

Bản án số: 130/2022/DS-PT

Ngày: 02 - 6 - 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Yên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Quế

Ông Nguyễn Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2022/QĐXX-PT ngày 09 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Thanh Phi C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 10B, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Dân Q, sinh năm 1980; Địa chỉ: số 88/13 đường Lê L, khóm 2, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Theo giấy ủy quyền ngày 01/06/2021 - có mặt).

- Bị đơn:

Ông Nguyễn Minh N (Nguyễn N), sinh năm 1958 (vắng mặt).

Bà Phạm Tuyết L, sinh năm 1960 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 100A, đường H, khóm 4, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Hoàng P, là luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau; Địa chỉ liên hệ: Số 32, đường Huỳnh Tấn P, khóm 5, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Tuyết L và ông Nguyễn Minh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 03/10/2013 ông Lê Thanh Phi C cho vợ chồng ông Nguyễn Minh N và bà Phạm Tuyết L vay 490.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay 06 tháng, có lập Hợp đồng số 3956 ngày 03/10/2013, công chứng tại Văn phòng Công chứng Cà Mau. Hợp đồng vay kiêm thế chấp quyền sử dụng đất số Y401056 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 18/02/2004, đăng ký thay đổi ngày 17/06/2011 do ông N và bà L đứng tên. Sau khi vay ông N, bà L thanh toán lãi được các khoản 110.000.000 đồng, lần cuối vào tháng 12/2020.

Nay yêu cầu ông N, bà L thanh toán tiền vốn 490.000.000 đồng, lãi tính từ ngày vay tiền 03/10/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/01/2022 là 99 tháng 21 ngày, theo lãi suất 1,66%/tháng, trừ số tiền lãi đã trả.

Bà Phạm Tuyết L trình bày: Năm 2011 bà và ông N vay của ông C 100.000.000 đồng, đến năm 2012 vay thêm 110.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, vay lần đầu có hợp đồng nhưng bà để thất lạc, vay lần hai không biên nhận. Do không có tiền thanh toán lãi nên ngày 03/10/2013 ông C nhập vốn, lãi bằng 490.000.000 đồng, buộc bà và ông N làm hợp đồng vay mới có thể chấp quyền sử dụng đất như ông C trình bày.

Sau khi ký hợp đồng vay bà và ông N thanh toán tiền lãi cho ông C 163.000.000 đồng, cụ thể: ngày 16/9/2014 trả 70.000.000 đồng, ngày 10/4/2015 trả 18.000.000 đồng, ngày 11/11/2015 trả 25.000.000 đồng, ngày 12/12/2015 trả 25.000.000 đồng và 03 lần sau của năm 2020 không có biên nhận với số tiền là 25.000.000 đồng.

Nay bà và ông N đồng ý trả cho ông C 490.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C quyết định:

Chấp nhận khởi kiện của ông Lê Thanh Phi C. Buộc ông Nguyễn Minh N (Nguyễn N) và bà Phạm Tuyết L liên đới thanh toán cho ông Lê Thanh Phi C 950.000.000 đồng. Trong đó tiền vốn là 490.000.000 đồng, tiền lãi 460.000.000 đồng.

Ông Lê Thanh Phi C trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y401056, sổ vào sổ 009 QSDĐ/TPCM do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày

18/02/2004, đăng ký thay đổi ngày 17/06/2011; Đất thuộc thửa số 034, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau, diện tích còn lại là 201,45 m² (bản chính) cho ông Nguyễn Minh N và bà Phạm Tuyết L khi ông N bà L thi hành xong số tiền nêu trên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 28/01/2022, ông N, bà L kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì hợp đồng vay tiền che đậy việc ông C cho vay nặng lãi, đến nay không còn thời hiệu khởi kiện. Trường hợp không hủy án thì yêu cầu sửa bản án sơ thẩm và xem xét lại các khoản vay, lãi nhập vốn, đối trừ phần tiền lãi đã đóng ông N, bà L chỉ còn nghĩa vụ trả cho ông C 260.416.000 đồng.

Căn cứ kháng cáo bà L và Luật sư trình bày tại phiên tòa phúc thẩm:

- Yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện.
- Buộc ông C trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Yêu cầu xem xét mức lãi ông N, bà L thanh toán 5%/tháng và tiến hành điều chỉnh đối trừ phần tiền lãi đã đóng ông N, bà L chỉ còn nghĩa vụ trả cho ông C 260.416.000 đồng.
- Ông C có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự về việc cho vay nặng lãi yêu cầu hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án qua cơ quan điều tra xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Kháng cáo của bị đơn ngoài phần xem xét cần phải điều chỉnh buộc ông C hoàn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra, các nội dung khác không có căn cứ. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Kháng cáo của ông N, bà L thực hiện trong hạn luật định, hợp pháp.

Theo hợp đồng vay tiền kiêm thế chấp quyền sử dụng đất có tại hồ sơ thể hiện: Ngày 03/10/2013 ông N, bà L vay của ông C 490.000.000 đồng, dùng quyền sử dụng đất số Y401056 do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 18/02/2004 do ông Nguyễn Minh N, Phạm Tuyết L đứng tên chủ sử dụng thế chấp để đảm bảo thanh toán. Việc thế chấp trên là có thật nhưng hai bên đương sự xác định thực chất là giao giấy chứng nhận quyền sử dụng để tạo niềm tin, không thực hiện đăng

ký thể chấp theo qui định nên không có thể chấp. Án sơ thẩm không đánh giá, xử lý giao dịch này, các đương sự không kháng cáo nên không xét quan hệ giao dịch này ở giai đoạn phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo

[2.1] Về lượng tiền giao dịch: Ông N, bà L cho rằng thực chất năm 2011 vay 100.000.000 đồng năm 2012 vay 110.000.000 đồng, do mất khả năng thanh toán nên ngày 03/10/2013 ông C yêu cầu vợ chồng bà làm lại hợp đồng vay gộp lãi nhập vốn, cộng chung bằng 490.000.000 đồng. Ông C xác định 490.000.000 đồng là tiền vốn ban đầu, không thừa nhận giá trị hợp đồng ông N, bà L vay là lãi nhập vốn.

Do giá trị tiền vay đã thể hiện tại hợp đồng, đến thời điểm này bà L, ông N vẫn chưa chứng minh được nguồn tiền trên là lãi nhập vốn. Nên vẫn xem 490.000.000 đồng là vốn hai bên giao dịch ngày 03/10/2013.

[2.2] Thời hiệu: Theo thoả thuận thời hạn vay 6 tháng – tức đến ngày 03/4/2014 hết hạn hợp đồng, nếu không có thoả thuận khác thì thời hiệu được tính từ ngày 04/4/2014. Thực tế, từ ngày 04/4/2014 hai bên không thanh lý hợp đồng, không có ký phụ lục thoả thuận khác, ông C, bà L thống nhất là bà L thanh toán lãi đến năm 2020 – Chứng tỏ ông N, bà L thừa nhận thời gian thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông C tại hợp đồng trên, do đó thời hiệu khởi kiện được tính trở lại từ tháng 12 năm 2020. Tháng 6 năm 2022 ông C khởi kiện – như vậy, thời hiệu ông C khởi kiện vẫn còn theo qui định.

Mặc khác, trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm các đương sự không yêu cầu xem xét thời hiệu nên yêu cầu này của bị đơn càng không đủ căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất: Bà L đề cập bị phía ông C áp đặt lãi cho vay với mức 5%/tháng và lãi nhập vốn, ông C không thừa nhận, bị đơn không chứng minh được nên không có căn cứ xem xét điều chỉnh lãi đã thanh toán trước đây bằng 5% theo yêu cầu bị đơn.

Nhưng nguyên đơn xác nhận mức lãi suất 3%/tháng vẫn là cao nên cấp sơ thẩm điều chỉnh, đối trừ lãi bị đơn đã trả theo qui định pháp luật 1,66%/tháng là phù hợp. Với lượng tiền vốn 490.000.000 đồng, thời gian tính từ ngày vay tiền 03/10/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/01/2022 là 99 tháng 21 ngày, lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền bằng 810.959.000 đồng, đối trừ tiền lãi đã trả 163.000.000 đồng, phần lãi được tính bằng 647.959.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện yêu cầu lãi phải thanh toán bằng 460.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn.

[2.4] Về việc yêu cầu xác định ông C cho vay nặng lãi, hủy án sơ thẩm, xem xét trách nhiệm hình sự đối với nguyên đơn: Việc đánh giá, chấp nhận chứng cứ về mức lãi hai bên giao dịch như đã nêu tại mục [2.3] nên không có cơ sở kết luận ông C có hành vi cho vay nặng lãi ở mức pháp luật hình sự điều chỉnh nên không có

căn cứ huỷ án sơ thẩm, kiến nghị xem xét xử lý trách nhiệm hình sự ông C theo yêu cầu của bị đơn.

[2.5] Việc xác định quyền và nghĩa vụ của đương sự tại vụ án được xem xét theo nguyên tắc công bằng, bình đẳng. Án sơ thẩm buộc ông C trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L, ông N khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ là không phù hợp với nguyên tắc xác định quyền và nghĩa vụ của đương sự như đã nêu trên. Nên điều chỉnh lại phần này là buộc ông C trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L, ông N.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm xử lý vụ án của Hội đồng xét xử nên không nhận xét lập lại.

[4]. Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có căn cứ như nhận định nêu trên, nên không được chấp nhận.

[5]. Bà L, ông N là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh N (Nguyễn N) và bà Phạm Tuyết L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của ông Lê Thanh Phi C.

Buộc ông Nguyễn Minh N (Nguyễn N) và bà Phạm Tuyết L liên đới thanh toán cho ông Lê Thanh Phi C tổng số tiền là 950.000.000 đồng. Trong đó tiền vốn là 490.000.000 đồng, tiền lãi 460.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Lê Thanh Phi C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Minh N (Nguyễn N) và bà Phạm Tuyết L không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Ông Lê Thanh Phi C phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y401056, sổ vào sổ 009 QSDĐ/TPCM do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 18/02/2004, đăng ký thay đổi ngày 17/06/2011; Đất thuộc thửa số 034, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau, diện tích còn lại là 201,45 m² cho ông Nguyễn Minh N và bà Phạm Tuyết L.

2. Về án phí:

Ông Lê Thanh Phi C không phải chịu, ngày 25/6/2021 ông C dự nộp tạm ứng án phí 22.680.000 đồng theo lai thu số 0001207 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, được hoàn lại.

Ông Nguyễn Minh N, bà Phạm Tuyết L được miễn toàn bộ án phí.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Yên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương

Nguyễn Trọng Quế

Huỳnh Văn Yên

